

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI**

Số: 09 /GPMT-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Hới, ngày 11 tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/2/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2024 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 22/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Thông báo số 318/TB-UBND ngày 26/12/2024 điều chỉnh phân công nhiệm vụ của Lãnh đạo UBND thành phố;

Xét Văn bản số 1135/PLX-KDBL ngày 20/5/2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư kinh doanh công trình trạm dừng nghỉ Km651+000 thuộc Dự án thành phần Bùng - Vạn Ninh trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1428/PLX-KDBL ngày 15/6/2025 của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam;

Theo đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, địa chỉ số 1 phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội được thực hiện các

hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Trạm dừng nghỉ Km651+000 thuộc Dự án thành phần Bùng - Vạn Ninh trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông tại phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trạm dừng nghỉ Km651+000 thuộc Dự án thành phần Bùng - Vạn Ninh trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100107370 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/05/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 02/05/2024.

1.4. Mã số thuế: 0100107370.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Công trình tiện ích phục vụ nhu cầu dừng nghỉ của hành khách và phương tiện tham gia giao thông trên đường cao tốc bao gồm: kinh doanh xăng dầu, dịch vụ bán hàng ăn uống, giải khát, dịch vụ sửa chữa xe, dịch vụ sạc điện, bách hóa tổng hợp, rửa xe/thay dầu, dịch vụ vui chơi nghỉ ngơi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích của cơ sở: 127.730 m².

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Công suất: Số lượng xe ra vào là 1.500 xe các loại; sản lượng xăng dầu là 2.250 m³/tháng; dịch vụ bán hàng ăn uống, giải khát phục vụ 60.000 lượt khách/ngày; dịch vụ sửa chữa xe dự kiến năm đầu tiên khoảng 10 xe/ngày; dịch vụ sạc điện tối đa 160 lượt xe/ngày; bách hóa tổng hợp: 1.500 lượt khách/ngày; rửa xe/thay dầu khoảng 10 lượt xe/ngày; dịch vụ vui chơi nghỉ ngơi khoảng 200 lượt khách/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tập đoàn xăng dầu Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND thành phố và UBND phường Đồng Sơn nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến UBND thành phố.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngàytháng 6 năm 2035.

Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với UBND phường Đồng Sơn tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, PCT UBND thành phố;
- Văn phòng HĐND - UBND TP (để đăng tải lên Cổng thông tin thành phố);
- Phòng Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Đồng Sơn;
- Tập đoàn xăng dầu Việt Nam;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Ngọc Đan

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số 09/GPMT-UBND ngày 27/6/2025 của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tại trạm dừng nghỉ bên phải tuyến.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tại trạm dừng nghỉ bên trái tuyến.

+ Nguồn số 03: Nước thải nhiễm dầu phát sinh từ quá trình vệ sinh sân bãi tại trạm cấp nhiên liệu và từ quá trình rửa xe của trạm dịch vụ bên phải tuyến.

+ Nguồn số 04: Nước thải nhiễm dầu phát sinh từ quá trình vệ sinh sân bãi tại trạm cấp nhiên liệu và từ quá trình rửa xe của trạm dịch vụ bên trái tuyến.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Dòng thải số 01: Từ hệ thống xử lý nước thải bên trái tuyến ra hệ thống cống thoát nước ngang đường của tuyến đường Cao tốc, sau đó chảy ra các rạch nước cạn, lưu lượng xả lớn nhất 30m³/ngày.đêm.

- Dòng thải số 02: Từ hệ thống xử lý nước thải bên phải tuyến ra hệ thống cống thoát nước ngang đường của tuyến đường Cao tốc sau đó chảy ra các rạch nước cạn, lưu lượng xả lớn nhất 30m³/ngày.đêm.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí 01: Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°, múi chiếu 3°): (X:1928299.9, Y: 558324.9).

- Vị trí 02: Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°, múi chiếu 3°): (X: 1927836.8 Y:558790.0).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 60m³/ngày đêm; 2,5m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Xả thải theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải

Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B

Reland

với $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$; QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (cột B - cửa hàng có dịch vụ rửa xe), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B với $K_q=0,9, K_f=1,2$)	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 29:2010/BTNMT(cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ (Theo đề xuất của chủ dự án)
1	pH	-	6-9		1 năm/lần
2	COD	mg/l	-	150	
3	TSS (Tổng chất rắn lơ lửng)	mg/l	-	120	
4	Tổng Nitơ	mg/l	36		
5	Tổng Photpho	mg/l	5,4		
6	Amoni	mg/l	9		
7	BOD5 (20°C)	mg/l	45		
8	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/l	90		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	-	9	
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	4.500		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01 và nguồn số 02: Sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại và bể tách dầu mỡ, bể lắng được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung mỗi bên trạm với công suất 30m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 03 và nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động rửa xe tại mỗi bên

trạm được thu gom về bể lắng gạn và tách dầu trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải. Nước mưa nhiễm dầu được thu gom về bể lắng gạn và tách dầu trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn:

- Số lượng, vị trí: Dự án có 8 bể tự hoại đặt ngầm dưới chân nhà vệ sinh các công trình: trạm cấp nhiên liệu, khu nhà dịch vụ và khu vực nhà vệ sinh; tổng thể tích mỗi bể tự hoại 36m^3 , kết cấu bể bằng bê tông cốt thép.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải từ nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế $30\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

1.2.2. Bể tách dầu mỡ tại khu vực nấu ăn:

- Số lượng, vị trí: 02 bể tách dầu mỡ đặt dưới khu vực nấu ăn, tổng thể tích 4m^3 , kết cấu bể bằng bê tông cốt thép;

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà bếp → bể tách dầu mỡ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế $30\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

1.2.2. Bể tách dầu tại khu vực trạm cấp nhiên liệu và nhà bảo dưỡng, sửa xe:

- Số lượng, vị trí: tổng 04 bể tách dầu mỡ đặt tại trạm cấp nhiên liệu và nhà bảo dưỡng, sửa chữa xe, tổng thể tích 20m^3 , kết cấu bể bằng bê tông cốt thép;

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải nhiễm dầu → bể lắng tách dầu → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế $30\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ cho mỗi bên trạm.

1.2.4. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt và nước thải nhiễm dầu sau khi được xử lý sơ bộ → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng cơ học → Bể Khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: $30\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ cho mỗi bên trạm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

1.4.1. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố: Không.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ theo dõi và kiểm tra hệ thống xử lý nước thải và chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ tiến hành kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Trường hợp xảy ra sự cố tại hệ thống xử lý nước thải, không được xả nước thải chưa đạt yêu cầu ra ngoài môi trường. Nước thải tạm thời lưu chứa. Trường hợp quá thời gian lưu chứa mà chưa khắc phục được sự cố, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Hệ thống xử lý nước thải chỉ được vận hành trở lại khi đã khắc phục hoàn toàn sự cố, không xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải được tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Chủ dự án đầu tư quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng và phải bảo đảm đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo quy định.

Trong trường hợp vì lý do khách quan chưa thực hiện vận hành thử nghiệm theo thời gian dự kiến thì chủ dự án phải có văn bản báo cáo điều chỉnh thời gian vận hành cho phù hợp với thực tế hoạt động.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: 02 hệ thống xử lý nước thải tại hai bên trạm dừng nghỉ có tổng công suất 60 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tại Trạm dừng nghỉ bên phải tuyến và Trạm dừng nghỉ bên trái tuyến.

- Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tại Trạm dừng nghỉ bên phải tuyến và Trạm dừng nghỉ bên trái tuyến.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Điều 1 Thông tư số 07/2025/TTBTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Việc quan trắc chất thải do

Chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm; không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đảm bảo bố trí đầy đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải bảo đảm đạt yêu cầu chất lượng trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

3.4. Nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng đến môi trường, chủ dự án đầu tư phải ngừng hoạt động, báo cáo kịp thời UBND thành phố Đồng Hới và UBND phường Đồng Sơn để xử lý theo quy định và chỉ được hoạt động trở lại sau khi đã hoàn thành việc khắc phục sự cố.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải

3.6. Sau khi khu vực dự án được đầu tư hệ thống thu gom nước thải của thành phố thì phải thực hiện đầu nối toàn bộ nước thải của dự án vào hệ thống này theo đúng quy định.



Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 09)/GPMT-UBND ngày 27/6/2025
của UBND thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng phát sinh: khoảng 1.057 kg/năm
- Hoạt động của dự án phát sinh một số loại chất thải nguy hại như sau:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Pin, ắc quy thải	16 01 12	8
2	Các linh kiện, thiết bị điện tử thải	16 01 13	13
3	Chất thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu mỡ, ...)	18 02 01	10
4	Bao bì mềm có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 01	16
5	Bao bì cứng bằng nhựa thải chứa hóa chất, dung môi hữu cơ	18 01 03	10
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	1.000
Tổng khối lượng			1.057

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khối lượng chất thải rắn từ hoạt động kinh doanh, nhập nguyên liệu và hoạt động (bao bì, giấy carton...): 52,52 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải sinh hoạt phát sinh với tổng khối lượng khoảng khoảng 565,75 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 10 thùng nhựa 60 lít/thùng có nắp đậy có dán mã CTNH tương ứng với chất thải phát sinh và 10 thùng phuy đựng nhớt thải loại 208 lit để đựng nhớt thải đặt tại các khu vực sửa chữa.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Kho lưu chứa trong nhà có kết cấu bằng gạch kiên cố, nền láng xi măng,

Lebat

có gờ chống tràn, biển báo trong, ngoài kho và trang bị ứng phó tình huống khẩn cấp.

- Diện tích kho lưu chứa: 02 kho lưu chứa cho mỗi bên trạm diện tích 20m².

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thu gom và lưu trữ: Chất thải được phân loại tại nguồn, định kỳ tập kết về khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Khu vực lưu chứa:

+ Kho lưu chứa trong nhà có biển báo, mái che tường bao kín và nền láng xi măng.

+ Diện tích kho lưu chứa: 02 kho lưu chứa cho mỗi bên trạm diện tích 30m².

- Biện pháp xử lý: Chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tới thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật định kỳ 6 tháng/1 lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

+ Bố trí các thùng nhựa dung tích 5 - 10 lít đặt tại mỗi phòng làm việc.

+ Bố trí các thùng nhựa HDPE dung tích 40 lít/cụm tại hành lang mỗi tầng.

- Khu nhà dịch vụ ăn uống, giải khát:

+ Bố trí các thùng nhựa dung tích 10 - 20 lít đặt tại các khu vực quầy ăn uống, giải khát.

+ Bố trí 6 cụm thùng nhựa HDPE dung tích 40 lít/thùng đặt tại mỗi tầng.

+ Bố trí 20 thùng nhựa HDPE loại 5 lít/thùng đặt tại mỗi phòng nghỉ;

+ Đặt 3 thùng nhựa đựng rác dung tích khoảng 20 lít tại hành lang mỗi tầng.

+ Đặt 02 cụm thùng nhựa HDPE dung tích 40 lít/cụm tại khu vực lễ tân, sảnh.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Kho lưu chứa trong nhà có biển báo, mái che tường bao kín và nền láng xi măng.

- Diện tích kho lưu chứa: 02 kho lưu chứa cho mỗi bên trạm diện tích 20m²

- Biện pháp xử lý: Chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại được hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình vận chuyển đi xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp và chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án, phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại khoản 1 Điều 122, khoản 3 Điều 124, khoản 1 Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.



Phụ lục 3**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 09/GPMT-UBND ngày 21/6/2025 của UBND thành phố)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tiếng ồn và độ rung trong quá trình xây dựng và hoạt động của Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 - Khu vực thông thường) về độ rung.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án phải đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đảm bảo khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ hệ thống thu gom nước thải.

4. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình xây dựng và hoạt động của Dự án.

5. Chủ Dự án chịu trách nhiệm về việc thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của Dự án từ các nguồn phát sinh. Thực hiện mọi trách nhiệm, nghĩa vụ có liên quan khi được cấp Giấy phép môi trường trong suốt thời hạn hoạt động của Dự án, đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường.

6. Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo quy định.

8. Đảm bảo nguồn kinh phí vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

9. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi Giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

10. Quản lý, xử lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

